TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2022
V/v trA chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Việt Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phạm Hương

2. Ông Lê Văn KhA

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Bạch Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 469/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 về việc "trA chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị Quyên A, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt);

Thường trú: số 557/35/16, đường Hương lộ 3, khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số E11/8A, tổ 11, ấp 5, xã VL B, huyện BC, Thành phố HCM.

Bị đơn: ông Từ Thành T, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Nơi cư trú cuối cùng: số 557/35/16, đường Hương lộ 3, khu phố 9, phường BHH, quận BT, Thành phố HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của bà Lê Thị Quyên A và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn bà Lê Thị Quyên A trình bày: bà và ông Từ Thành T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 74/2005, cấp ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân phường TT, quận TP, Thành phố HCM.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì bà A và ông T có những bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bà A phải gồng gánh nuôi con mà không được chồng quan tâm, chia sẽ, bà A đã cố gắng vì các con mà chịu đựng nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có khi còn phải trả nợ thay cho ông T. Từ năm 2016 đến nay ông T bỏ mặc không lo cho vợ con và đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không về và cũng không liên lạc hay biết tin tức gì của ông T. Do đó, bà Lê Thị Quyên A yêu cầu được ly hôn đối với ông Từ Thành T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Từ Thành D, sinh ngày 10/01/2007. Tòa án giải quyết ly hôn thì bà A yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng để nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: bà A trình bày không có.

Bị đơn là ông Từ Thành T đã bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 698/2020/QĐST-DS ngày 17/11/2020 nên vắng mặt tại phiên tòa. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo thủ tục chung đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị Quyên A có đơn xin giải quyết vắng mặt và ông Từ Thành T vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Quyên A đối với ông Từ Thành T; về con chung giao 01 con chung tên Từ Thành D, sinh ngày 10/01/2007 cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: bà A khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và công bố các yêu cầu và tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ trA chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: bà Lê Thị Quyên A và ông Từ Thành T có đăng ký kết hôn, bà A có yêu cầu xin ly hôn với ông T nên đây là trA chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là ông Từ Thành T nơi cư trú cuối cùng tại số 557/35/16, đường Hương lộ 3, khu phố 9, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt; Bị đơn là ông Từ Thành T đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 74/2005, cấp ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp.

- Về quan hệ hôn nhân: bà A và ông T chung sống vợ chồng với nhau hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T không chăm lo cho cuộc sống gia đình, bà A phải gồng gánh nuôi con mà không được chồng quan tâm và chia sẽ, bà A đã cố gắng vì các con mà chịu đựng nhưng cuộc sống vợ chồng vẫn không hạnh phúc và đến năm 2016 ông T đã tự ý bỏ nhà đi cho đến nay không về và cũng không liên lạc hay biết tin tức gì của ông T. Ngày 17/11/2020, Tòa án nhân dân quận Bình Tân đã tuyên bố ông Từ Thành T mất tích theo Quyết định số 698/2010/QĐST-DS và cũng xét thấy mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng của bà A và ông T trước đây đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Quyên A được ly hôn với ông Từ Thành T, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: bà A trình bày bà và ông T có một con chung tên Từ Thành D, sinh ngày 10/01/2007. Hiện nay, bà A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, vẫn đảm bảo tốt cho sự phát triển về mặt thể chất và tinh thần của cháu, hơn nữa từ khi ông T bỏ nhà đi năm 2015 đến nay, ông cũng không trực tiếp nuôi dưỡng con và theo nguyện vọng của trẻ D cũng xin được ở với bà A. Do đó, để đảm bảo cho trẻ D có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về mặt tinh thần, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Từ Thành D cho bà A nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: bà Lê Thị Quyên A trình bày không có. Sau này, nếu ông T có yêu cầu thì được giải quyết trong một vụ án khác.

- Về nợ chung: bà Lê Thị Quyên A trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Quyên A đối với ông Từ Thành T; giao 01 con chung tên Từ Thành D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận việc bà A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đề nghị của đại diệnViện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật, các chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] *Về án phí sơ thẩm:* bà Lê Thị Quyên A phải chịu theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Quyên A đối với ông Từ Thành T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2005, cấp ngày 18/10/2005 của Ủy ban nhân dân phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Lê Thị Quyên A và ông Từ Thành T không còn giá trị pháp lý kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: giao 01 con chung tên Từ Thành D, sinh ngày 10/01/2007 cho bà Lê Thị Quyên A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Từ Thành T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức

được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Lê Thị Quyên A trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này, nếu ông T có trA chấp thì được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: bà Lê Thị Quyên A trình bày không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Quyên A phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu số 063481 ngày 14/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: bà Lê Thị Quyên A và ông Từ Thành T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Việt Hải